TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 18/2019/HS-GĐT
Ngày 25 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Lê Phước Thanh và ông Vũ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Người bị kết án:

1. Huỳnh Lâm H (tức Quân Già); sinh năm 1979; Nơi cư trú: tổ 79, phường B1, quận H3, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Huỳnh S1 (chết) và bà Phạm Thị Xuân Tr có vợ là Trần Thị Thu H4 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 17/7/1998, bị Tòa án nhân dân quận H3, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng" tại Bản án số 53/1998/HSST.

+ Ngày 18/01/1999, bị Tòa án nhân dân quận H3, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" tại Bản án số 92/1999/HSST.

+ Ngày 29/9/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 5 năm tù về các tội "Cướp tài sản" và 'Hủy hoại tài sản" tại Bản án số 240/2011/HSST (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2017.

2. Nguyễn Thị Bích H1 (tức H1 Lửa); sinh năm 1972; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 68, phường T4, quận T3, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: tổ 15, phường T4, quận T3, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông (không rõ) và con bà Nguyễn Thị Bích V;

có chồng Quách Tấn S2 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 22/6/2017.

3. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Bờm Vàng); sinh năm 1988; Nơi cư trú: tổ 123, phường A, quận T3, thành phố Đà Nẵng; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Nguyễn Văn L3 và bà Lê Thị I; có vợ là Phan Ngọc L4 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án:

+ Ngày 21/11/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 210/2008/HSPT.

+ Ngày 30/7/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 29/2013/HST.

+ Ngày 29/6/2015, bị Tòa án nhân dân quận T3, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 71/2015/HSST.

Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 12/12/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng tháng 8/2016, do kinh doanh thua lỗ nên chị Tăng Thị Ngọc N1 phải bán nhà để trả nợ và đến ở nhờ tại nhà bà Nguyễn Thị Bích V. Trong thời gian sinh sống tại đây, N1 quen con gái bà V là Nguyễn Thị Bích H1. Từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2017, N1 nhiều lần mượn tiền của H1 với tổng số tiền là 47.000.000 đồng, nên đến ngày 04/02/2017 N1 viết giấy mượn số tiền trên giao cho H1.

Khoảng tháng 3/2017, N1 không ở tại nhà bà V nữa, H1 đã nhiều lần truy tìm, đe dọa để yêu cầu N1 trả nợ. Khoảng 09 giờ ngày 02/4/2017, Huỳnh Lâm H (là người có quan hệ tình cảm với H1) biết N1 mượn số tiền nêu trên của H1, nên đã gọi điện yêu cầu N1 đến quán cà phê tại số K340/12 đường NPN để giải quyết việc nợ tiền của H1, N1 đồng ý. Lúc này, H gọi điện cho Nguyễn Văn N đến quán cà phê, khi N1 và H đang nói chuyện nợ nần thì N đến và ngồi ở bàn bên cạnh. N1 nói mới có 2.000.000 đồng, đến chiều sẽ mượn thêm cho đủ 5.000.000 đồng để trả trước cho H1. H không lấy tiền mà bắt N1 viết một giấy mượn tiền với nội dung là N1 có mượn tiền của H1 và H với tổng số tiền là 57.000.000 đồng, trong đó 47.000.000 đồng tiền nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. H ấn định cho N1 phải trả lúc 13 giờ cùng ngày. Trong lúc N1 đang viết giấy nhận nợ thì H điện H1 đến. Khoảng 10 phút sau, H1 chở con gái là Quách Thanh D đến. Vừa đến, H1 dùng tay đánh vào mặt và đầu N1 gây sưng tím ở mặt, do sợ nên N1 không dám phản kháng. Sau đó H nói "đừng đánh nữa để cho nó viết giấy nhận nợ", H1 dừng đánh và H đọc cho N1 viết giấy nhận nợ theo ý của H và H1. Sau khi N1 viết xong, H1 lấy giấy nợ rồi yêu cầu N1 về nhà cha mẹ N1 tại số 128 đường T1, quận L để lấy tiền vì H1 và H biết nhà N1 có khả năng trả nợ cho N1. H1 lấy chìa khóa xe máy của N1 rồi buộc N1 phải đi theo

về nhà để yêu cầu gia đình của N1 phải trả nợ thay N1. Biết bố mẹ không có ở nhà nhưng sợ tiếp tục bị đánh nên N1 nghe theo. Lúc này, H1 chở N1 trên xe của N1, H chở D trên xe máy của H1, N nhờ L1 (bạn ngoài xã hội của N không biết họ tên, địa chỉ) đi phía sau đến nhà cha mẹ N1. Tới nhà của cha mẹ N1 thì thấy không ai ở nhà, bực tức vì không lấy được tiền nên H1 tiếp tục đánh vào mặt N1 và nói " tiền mi hứa trả cho ta đâu". Lúc này trong người chị N1 có 2.000.000 đồng nên lấy trả cho H1. Sau đó, H1 gọi điện cho chị gái N1 là chị Tăng Thị Ngọc D thì biết gia đình đang đi về quê đến chiều mới về.

Do biết vào tháng 6/2016, Nguyễn Thị M có đến nhà H1 đòi tiền N1 và H nói N1 khi nào có tiền trả cho M đầu tiên, nên H và H1 chở N1 đến nhà bà M tại số 56 đường T2 để giữ N1 và đồng thời giải quyết nợ giữa M và N1. N và D cũng đến nhà M. Còn L1 thì ra về trước. Khi đến thì M không có ở nhà, H gọi điện cho M nói đưa N1 đến nhà M đòi tiền nợ thì M đồng ý. Trong lúc chờ M về, Phan Thị Thu S (con dâu bà M) và ông Trần Minh Tr (em chồng bà M) lấy giấy bút đưa cho N1 viết giấy nợ tiền và hẹn thời gian trả cho M nhưng N1 nói để giải quyết với M nên S, Tr không yêu cầu N1 viết nữa. Trong thời gian này nhằm gây sức ép với N1, N quay về tìm Nguyễn Minh H2 là chủ nợ của N1 với số 100.000.000 đồng và nói H2 đến nhà M để gặp N1 đòi tiền. H2 đến nhà M nhưng do thấy N1 không có tiền trả nên H2 ra trước nhà ngồi, lúc này, N1 ngồi tại ghế salon, D và H1 ở trong nhà. Còn H, N và những người còn lại đứng phía trước cửa ra vào. Sau đó, H có nhờ N chở đi dự tiệc tại nhà bạn của H. Đến khoảng 11h45' cùng ngày, M cùng bà Nguyễn Thị Nga (chị ruột của M) về đến nhà. Khi vào nhà, M thấy N1 đang ngồi tại ghế salon ở nhà mình, mặt bị sưng tấy, bầm tím nên M hỏi N1 nguyên nhân vì sao thì N1 nói bị H1 đánh, M nghe vậy nên đến nói chuyện với H1 thì H1 nói "đánh là chuyện bình thường". Sau đó, H1 đưa giấy mượn tiền mà N1 viết cho H1 trước đó tại quán cà phê lúc sáng cho M xem và bảo M yêu cầu N1 viết tương tự giấy của H1. M cầm giấy mượn tiền này và đến yêu cầu N1 viết giấy mượn tiền giống như vậy nhưng chỉ khác về số tiền nợ. Theo M khai, N1 có nợ M 470.000.000 đồng, trong đó có giấy mượn tiền là 320.000.000 đồng, còn lại tiền mượn không có giấy tờ là 150.000.000 đồng. Thấy vậy, N1 không viết nhưng không dám phản kháng lại vì sợ bị H, H1 đánh, còn viết giấy mà không thực hiện được cũng bị đánh. Vì quá bức bách, N1 nghĩ đến việc tự tử nên N1 nói dối và xin M đi vệ sinh xong sẽ ra viết giấy nợ thì M đồng ý. Khi đi ngang qua bếp, N1 lấy một con dao Thái Lan dài khoảng 30cm, cán màu đen rồi vào nhà vệ sinh và sử dụng con dao trên tự cắt hai cổ tay tự tử. Những người ở bên ngoài thấy lâu nên đến kiểm tra phát hiện sự việc đạp cửa vào đưa N1 ra ngoài sơ cứu băng vết thương cho N1. Sau đó, H1 điện báo cho H biết sự việc nên H, N về lại nhà bà M. Khi đến, H, N, dùng tay, chân và ghế nhựa đánh vào mặt và người làm N1 ngã xuống đất. Sau đó, mọi người can ngăn và đưa N1 đi cấp cứu.

Theo bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 338/TGT ngày 11/10/2017 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế thành phố Đà Nẵng xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị Tăng Thị Ngọc N1 hiện tại là 12%.

- Tại Kết luận điều tra số 23 ngày 22/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T3 đề nghị truy tố Nguyễn Thị Bích H1, Huỳnh Lâm H, Nguyễn Văn N về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật ", đề nghị truy tố Nguyễn Thị M về tội "Giữ người trái pháp luật " đều theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự.

- Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSTK ngày 09/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T3 đã truy tố Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1, Nguyễn Văn N về tội "Bắt giữ người trái pháp luật" theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị M về tội "Giữ người trái pháp luật " theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 16/5/2018, Tòa án nhân dân quận T3, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Lâm H (Quân Già), Nguyễn Thị Bích H1 (H1 Lửa), Nguyễn Văn N (Bờm Vàng) phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và bị cáo Nguyễn Thị M "Giữ người trái pháp luật".

Áp dụng khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt:

+ Huỳnh Lâm H *(Quân Già):* 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

+ Nguyễn Thị Bích H1 *(H1 Lửa):* 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52 và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt Nguyễn Văn N *(Bờm Vàng)* 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt Nguyễn Thị M 24 (hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N đều có đơn kháng cáo với nội dung mức án mà Tòa cấp sơ thẩm xử là nặng, xin được giảm hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 141/2018/HS-PT ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định không chấp nhận kháng cáo của các

bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Xử phạt: bị cáo Huỳnh Lâm H 04 (bốn) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật". Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Bích H1 03 (ba) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật". Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2017.

+ Căn cứ vào: khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52 và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật". Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/QĐ-VC2 ngày 25/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 141/2018/HS-PT ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân quận T3, thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo hướng: Truy cứu trách nhiệm hình sự bổ sung về tội "Cưỡng đoạt tài sản" đối với các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N về tội *"Bắt giữ người trái pháp luật"* theo Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

{2}. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/QĐ-VC2 ngày 25/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Xuất phát từ việc chị Tăng Thị Ngọc N1 có nợ 47.500.000 đồng của Nguyễn Thị Bích H1, nên vào sáng ngày 12/4/2017, tại quán cà phê trên đường NPN, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1, Nguyễn Văn N đã dùng vũ lực ép buộc chị Tăng Thị Ngọc N1 viết giấy nhận nợ 57.500.000 đồng gồm 47.500.000 đồng tiền nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Hành vi của các cáo ép buộc chị N1 phải nhận nợ số tiền 10.000.000 đồng nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* nhưng chưa được xem xét xử lý là thiếu sót, từ đó kháng nghị hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để điều tra lại

theo hướng: Truy cứu trách nhiệm hình sự bổ sung về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* đối với các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật. Xét thấy nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là chưa có đủ cơ sở, cụ thể như sau:

{2.1}. Việc chị Tăng Thị Ngọc N1 nợ Nguyễn Thị Bích H1 số tiền 47.000.000 đồng là việc có thật, được thể hiện tại Giấy mượn tiền ngày 04/02/2017 và bị cáo H1, chị N1 đều thừa nhận. Về tiền lãi: Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2018 (BL 391), Bản tự khai ngày 12/01/2018 (Bl 395-396) chị N1 đều thừa nhận khoản tiền vay của bị cáo H1 là vay có lãi.

{2.1.1}. Đối với Huỳnh Lâm H: Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Do không có khả năng trả nợ cho bị cáo H1 nên chị N1 đã điện thoại nhờ bị cáo H *(là người sống chung như vợ chồng với bị cáo H1)* nói giúp với H1 trong việc chị N1 trả nợ cho bị cáo H1, nên sáng ngày 02/4/2017, bị cáo H đã gọi điện cho chị N1 đến quán cà phê ở đường NPN. Tại đây, H đã yêu cầu chị N1 viết giấy mượn tiền bị cáo H1 *(theo bị cáo H khai thì chị N1 viết 2 lần, lần đầu do chị N1 viết giấy nợ với H là không đúng người nên H đã yêu cầu chị N1 viết giấy nợ H1)*. Chị N1 có viết giấy mượn tiền theo yêu cầu của H, còn thực tế H không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để buộc chị N1 phải viết giấy nhận nợ đối với H1 và phù hợp với lời khai của chị N1 trong quá trình tố tụng.

{2.1.2}. Đối với Nguyễn Văn N: sau khi nghe H điện thoại thì bị cáo N có đến quán cà phê và ngồi ở bên cạnh bàn của chị N1 và H, N không tham gia bàn bạc, cưỡng ép hay đe dọa chị N1 phải viết giấy nợ; phù hợp với lời khai của chị N1 là không thấy N và H bàn bạc hay nói chuyện với nhau về việc N1 nợ tiền H1 tại quán cà phê (BL 43).

{2.1.3}. Đối với Nguyễn Thị Bích H1: Chị N1 có thời gian ở chung nhà với mẹ con bị cáo H1 và bị cáo H1 có cho chị N1 mượn tiền; đến hạn trả nợ thì chị N1 không có tiền trả nợ cho bị cáo H1 và có dấu hiệu lẫn tránh, bị cáo H1 phải nhiều lần đi tìm chị N1 để đòi nợ. Do đó, sau khi H điện thoại thông tin việc H và chị N1 đang giải quyết việc nợ nần ở quán cà phê thì bị cáo H1 đến, thấy chị N1 nên H1 có tát chị N1 02 cái. Tuy nhiên lúc này chị N1 đang viết giấy mượn tiền nên H có nói H1 *"đừng đánh nữa để cho nó viết giấy nợ"*, do đó bị cáo H1 dừng lại không đánh chị N1 nữa. Như vậy, khi tát chị N1 thì bị cáo H1 không biết việc chị N1 đang viết giấy nhận nợ; sau đó bị cáo N1 cũng không có hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để buộc chị N1 phải viết giấy mượn tiền đối với mình.

{3}. Do đó, hành vi của các bị cáo Huỳnh Lâm H, Nguyễn Thị Bích H1 và Nguyễn Văn N không đủ yếu tố cấu thành tội *"Cưỡng đoạt tài sản",* kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm để điều tra lại theo hướng truy cứu trách nhiệm

hình sự bổ sung đối với các bị cáo nêu trên về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* là không có căn cứ, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 382; khoản 1 Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/QĐ-VC2 ngày 25/02/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự phúc thẩm số 141/2018/HS-PT ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ GĐKT I);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng); VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận T3, TP Đà Nẵng; VKSND quận T3, thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận T3, thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP Đà Nẵng (04 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GĐKT I (03 bản), Phòng HCTP.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
KT.CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà